

CÓ PHẦN CHÀO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN NÊN KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG. VNPT KHUYẾN CÁO NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC QUY CHẾ ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHÀO BÁN.

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp bởi:

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ



HANOI STOCK EXCHANGE  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

##### SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, Hà Nội

Website: [www.hnx.vn](http://www.hnx.vn)

Điện thoại: 024 3941 2626

Fax: 024 3934 7818

#### TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG



VNPT

##### TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, TP. Hà Nội

Website: [www.vnpt.com.vn](http://www.vnpt.com.vn)

Điện thoại: 024 3774 1091

Fax: 024 3774 1093

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN



Nhân tố tài chính thị trường

##### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Địa chỉ: Số 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Điện thoại: 024 3818 1888

Fax: 024 3818 1688

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN...</b>                                                                                                              | <b>4</b>  |
| 1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....                                                                                                                                                 | 4         |
| 2. Tổ chức tư vấn.....                                                                                                                                                                          | 4         |
| 3. Tổ chức có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....                                                                                                                                         | 4         |
| <b>II. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>                                                                                                                                                                   | <b>4</b>  |
| <b>III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....</b>                                                                                                                          | <b>5</b>  |
| 1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                          | 5         |
| 2. Mối quan hệ với ICT.....                                                                                                                                                                     | 6         |
| 3. Số cổ phần sở hữu.....                                                                                                                                                                       | 7         |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ICT.....</b>                                                                                                                                                   | <b>7</b>  |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                              | 7         |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty.....                                                                                                                                                                  | 11        |
| 3. Danh sách công ty mẹ, công ty con của ICT, những công ty mà ICT đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với ICT..... | 16        |
| 4. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 06/06/2025.....                                                                                                                                     | 16        |
| 5. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp chính.....                                                                                                                                                        | 17        |
| 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....                                                                                           | 18        |
| 7. Tình hình công nợ.....                                                                                                                                                                       | 19        |
| 8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                                                                                                                                                          | 20        |
| 9. Tình hình tài sản cố định.....                                                                                                                                                               | 21        |
| 10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025.....                                                                                                                                                  | 22        |
| 11. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....                                                                                                                            | 23        |
| 12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn.....                                                                | 23        |
| <b>V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....</b>                                                                                                                            | <b>23</b> |
| 1. Loại cổ phần.....                                                                                                                                                                            | 23        |
| 2. Mệnh giá.....                                                                                                                                                                                | 23        |
| 3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng.....                                                                                                                                                   | 23        |
| 4. Giá khởi điểm đấu giá.....                                                                                                                                                                   | 24        |
| 5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm.....                                                                                                                                                   | 24        |
| 6. Phương thức chuyển nhượng vốn.....                                                                                                                                                           | 24        |
| 7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá.....                                                                                                                                                           | 24        |
| 8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn.....                                                                                                                                                   | 24        |
| 9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến.....                                                                                                                                                   | 24        |
| 10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....                                                                                                                                     | 24        |
| 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn.....                                                                                                                                       | 25        |
| 12. Các loại thuế có liên quan:.....                                                                                                                                                            | 25        |

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn: .....25

**VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....25**

**VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....25**

1. Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần .....25

2. Tổ chức thẩm định giá.....26

3. Tổ chức kiểm toán.....26

4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.....26

**VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....26**

**IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG, TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN CỦA VNPT VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN .....27**

## I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### 1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

#### **TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

Ông **Tô Dũng Thái**

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng thành viên**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam cung cấp trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

Ông **Nguyễn Chí Thành**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản công bố thông tin này là một phần trong hồ sơ chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam.

Bản công bố thông tin này được Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội soạn thảo dựa trên các thông tin, số liệu và tài liệu do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện cung cấp. Các thông tin và số liệu về Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện xác nhận.

Bản công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 30/06/2025, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm ký ban hành Bản công bố thông tin. Các sự kiện xảy ra sau các mốc thời gian này chưa được xem xét và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản công bố thông tin đối với các sự kiện này.

Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

### 3. Tổ chức có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

Ông: **Lê Thanh Sơn**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam cung cấp trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

## II. CÁC KHÁI NIỆM

### 1. Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

- |                                                                         |                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:                              | <b>TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM</b>                                                                                                                              |
| - Tổ chức/Công ty có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng/doanh nghiệp: | <b>Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện</b>                                                                                                                       |
| - Bản công bố thông tin:                                                | Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán |

- Điều lệ: Điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện thông qua
- Vốn điều lệ: Là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện.

**2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau**

|            |                                                |
|------------|------------------------------------------------|
| BCTC:      | Báo cáo tài chính                              |
| ĐHĐCĐ:     | Đại hội Đồng cổ đông                           |
| GCN ĐKDN:  | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp           |
| HĐQT:      | Hội đồng quản trị                              |
| BKS:       | Ban kiểm soát                                  |
| LNST:      | Lợi nhuận sau thuế                             |
| ICT, CTIN: | Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện  |
| VNPT:      | Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam         |
| VĐL:       | Vốn điều lệ                                    |
| VNĐ:       | Đồng Việt Nam                                  |
| VCSH:      | Vốn chủ sở hữu                                 |
| HĐKD:      | Hoạt động kinh doanh                           |
| DTT:       | Doanh thu thuần                                |
| TSLĐ:      | Tài sản lưu động                               |
| CNTT:      | Công nghệ thông tin                            |
| TNHH:      | Trách nhiệm hữu hạn                            |
| UBCKNN:    | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                    |
| HOSE:      | Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |

**III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG**

**1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

**1.1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:**

Tên Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Tên giao dịch: VNPT

Trụ sở chính: Số 57 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng, TP. Hà Nội  
Điện thoại: (84-24) 3774 1091  
Fax: (84-24) 3774 1093  
Website: www.vnpt.com.vn  
Logo:



GCN ĐKDN: Số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 17/08/2010, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/08/2025  
Vốn điều lệ: 72.237.000.000.000 đồng (Bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy tỷ đồng).  
Ngành nghề kinh doanh Hoạt động viễn thông có dây chính:

## 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

VNPT hiện là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông hàng đầu tại Việt Nam. Với những đóng góp và thành tựu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa Xã hội và Bảo vệ Tổ quốc, VNPT đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ 1999 - 2009 vào ngày 22/12/2009.

Kể thừa 70 năm xây dựng, phát triển và gắn bó trên thị trường viễn thông Việt Nam, VNPT vừa là nhà cung cấp dịch vụ đầu tiên đặt nền móng cho sự phát triển của ngành Bưu chính, Viễn thông Việt Nam, vừa là tập đoàn có vai trò chủ chốt trong việc đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10 quốc gia có tốc độ phát triển Bưu chính Viễn thông nhanh nhất toàn cầu.

Tháng 1/2006, VNPT chính thức trở thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam thay thế cho mô hình Tổng công ty cũ theo quyết định số 06/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với chiến lược phát triển theo mô hình tập đoàn kinh tế chủ lực của Việt Nam, kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực, đa sở hữu, trong đó Bưu chính - Viễn thông - CNTT là nòng cốt.

Ngày 24/6/2010, Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 955/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2010, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 08 năm 2025.

Ngày 06/04/2016, Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Nghị định số 25/2016/NĐ-CP.

Tháng 4/2018, với mục tiêu chiến lược là trở thành nhà cung cấp dịch vụ số (Digital Services) hàng đầu tại Việt Nam và Trung tâm giao dịch số (Digital Hub) tại khu vực, Tập đoàn VNPT đã chính thức thành lập Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT-IT). Đây là trụ cột thứ 5 của VNPT bên cạnh các chủ lực đã được khẳng định: VNPT-Net (Hạ tầng), VNPT-Media (Dịch vụ GTGT và truyền thông), VNPT-Vinaphone (Kinh doanh), VNPT-Technology (Sản xuất thiết bị).

## 2. Mối quan hệ với ICT

VNPT là công ty mẹ của ICT, sở hữu 10.117.108 cổ phần, tương đương 31,43% vốn điều lệ

hiện tại của ICT.

*Mối quan hệ giữa VNPT và người nội bộ của ICT:*

**Ông Hoàng Anh Lộc** - Chủ tịch HĐQT của ICT: là người đại diện vốn của VNPT tại ICT (đại diện 40% phần vốn của VNPT tại ICT theo Quyết định số 33/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 22/04/2025);

**Ông Hà Thanh Hải** - Thành viên HĐQT của ICT: là Phó trưởng ban Kế hoạch Đầu tư và là người đại diện vốn của VNPT tại ICT (đại diện 30% phần vốn của VNPT tại ICT theo Quyết định số 33/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 22/04/2025);

**Ông Lê Thanh Sơn** - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của ICT: là người đại diện vốn của VNPT tại ICT (đại diện 30% phần vốn của VNPT tại ICT theo Quyết định số 33/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 22/04/2025).

## 2. Số cổ phần sở hữu

Số cổ phần thuộc sở hữu của VNPT tại ICT là 10.117.108 cổ phần (chiếm tỷ lệ 31,43% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ICT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN
- Tên tiếng Anh: JOINT STOCK COMPANY FOR TELECOMS AND INFORMATICS
- Tên gọi tắt: CTIN
- Trụ sở chính: 158/2 phố Hồng Mai, Phường Bạch Mai, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 02438634597 / 02438634679
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 0100683374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/12/2021, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 20/10/2025
- Vốn điều lệ đăng ký: 321.850.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 321.850.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)
- Website: [www.ctin.vn](http://www.ctin.vn)
- Logo: 
- Mã chứng khoán: ICT
- Sàn niêm yết: HOSE

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành                |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1   | <b>Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết:</b><br>- Sản xuất các thiết bị trong ngành truyền hình<br>- Đầu tư sản xuất thiết bị viễn thông, internet<br>- Sản xuất trong lĩnh vực viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>2630<br/>(Chính)</b> |
| 2   | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9512                    |
| 3   | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9511                    |
| 4   | Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4659                    |
| 5   | Lắp đặt hệ thống điện, chi tiết:<br>- Hoạt động lắp đặt hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng. Cụ thể: Dây dẫn và thiết bị điện; Đường dây thông tin liên lạc; Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học; Đèn vệ tinh; Hệ thống chiếu sáng; Chuông báo cháy; Hệ thống báo động chống trộm; Tín hiệu điện và đèn trên đường phố; Đèn trên đường băng sân bay.<br>- Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình. | 4321                    |
| 6   | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, chi tiết: Kinh doanh các thiết bị trong ngành truyền hình (trừ việc kinh doanh băng đĩa hoặc các thiết bị lưu trữ có chứa nội dung).                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652                    |
| 7   | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, chi tiết:<br>- Đào tạo công nghệ viễn thông<br>- Đào tạo công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8559                    |
| 8   | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống trung tâm dữ liệu (data center), các thiết bị trong ngành truyền hình<br>- Ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông                                                                                                                                        | 7490                    |
| 9   | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản<br>- Cho thuê hạ tầng cơ sở mạng viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6810                    |
| 10  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng mạng viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7120                    |
| 11  | Hoạt động viễn thông khác, chi tiết:<br>- Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng internet và viễn thông<br>- Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông<br>- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                | 6190                    |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|     | - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng (Điều 9 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ)<br>- Dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (Điều 27 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ)                     |          |
| 12  | Cho thuê xe có động cơ, chi tiết:<br>- Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm chất lượng mạng viễn thông<br>- Thiết kế thiết bị bảo vệ (không bao gồm thiết kế công trình)<br>- Thiết kế mạng công trình thông tin, bưu chính viễn thông                                | 7710     |
| 13  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp, chi tiết: Cung cấp các dịch vụ                                                                                                                                                                                                   | 8110     |
| 14  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ                                                                                                                                                                                  | 3290     |
| 15  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Kinh doanh thiết bị bảo vệ                                                                                                                                                                   | 4669     |
| 16  | Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính, chi tiết:<br>- Đầu tư sản xuất máy tính<br>- Sản xuất trong lĩnh vực tin học                                                                                                                      | 2620     |
| 17  | Lập trình máy vi tính, chi tiết: Đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm                                                                                                                                                                                        | 6201     |
| 18  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí                                                                                                                                                                                     | 4322     |
| 19  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học<br>- Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học                                                                                                    | 6202     |
| 20  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học | 8299     |
| 21  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết:<br>- Xây dựng hạ tầng viễn thông, các hệ thống trung tâm dữ liệu (data center)<br>- Xây lắp công trình viễn thông                                                                                   | 4299     |
| 22  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết:<br>Dịch vụ trung gian thanh toán (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                       | 6619     |
| 23  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học                                                                                                               | 7730     |
| 24  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, chi tiết: Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin                                                                                                  | 7212     |
| 25  | Hoạt động xổ số, các cuộc và đánh bạc, chi tiết:<br>- Đại lý xổ số                                                                                                                                                                                        | 9200     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|     | - Bán lẻ vé số (bán lẻ qua đại lý hưởng hoa hồng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |          |
| 26  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)                                                                                                                                                                                                                                  | 6311     |
| 27  | Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí), chi tiết:<br>- Hoạt động thương mại điện tử<br>- Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp                                                                                                                                                                                        | 6312     |
| 28  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312     |
| 29  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3313     |
| 30  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3314     |
| 31  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4223     |
| 32  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2610     |
| 33  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2640     |
| 34  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5820     |
| 35  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6209     |
| 36  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8220     |
| 37  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2651     |
| 38  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7820     |
| 39  | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời (trừ tuyến tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)                                                                                                                                                                             | 3511     |
| 40  | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước) (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân) | 3512     |

### 1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện, được thành lập năm 2001, tiền thân là Xí nghiệp Sửa chữa Thiết bị Thông tin I, thuộc Tổng cục Bưu điện, được xây dựng và phát triển từ năm 1972. Công ty đã trải qua các giai đoạn phát triển sau:

#### Giai đoạn 1: từ 1972 - 1985

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện được thành lập theo quyết định số 33/QĐ-TCBD vào ngày 13/01/1972 với tên gọi tiền thân là Xí nghiệp Sửa chữa Thiết bị Thông tin I, thuộc Tổng cục Bưu điện. Công ty ra đời khi mà mạng viễn thông Việt Nam chưa phát triển. Nhiệm vụ chủ yếu của công ty lúc bấy giờ là sửa chữa các thiết bị thông tin trên mạng.

### **Giai đoạn 2: Từ 1986 - 2000**

Xí nghiệp Sửa chữa Thiết bị Thông tin I được đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin I theo quyết định số 1206/QĐ/TCCB ngày 09/10/1985. Ngoài việc sửa chữa các thiết bị viễn thông, công ty đã chuyển dần sang sản xuất các thiết bị viễn thông, đồng thời là cơ sở phát triển ngành Khoa học viễn thông.

Năm 2000, Công ty thành lập Trung tâm Tin học, tạo tiền đề cho phát triển mảng Tích hợp hệ thống và phần mềm, nhằm hướng tới mảng kinh doanh trong lĩnh vực tin học và CNTT.

### **Giai đoạn 3: Từ 2001 - Nay**

Cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện, viết tắt là CTIN, là đơn vị thành viên của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tin học, theo quyết định số 537/QĐ-TCBĐ ngày 11/07/2001 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - VNPT). Vốn điều lệ của Công ty khi cổ phần hóa là 10 tỷ, tỷ lệ góp của VNPT là 35%.

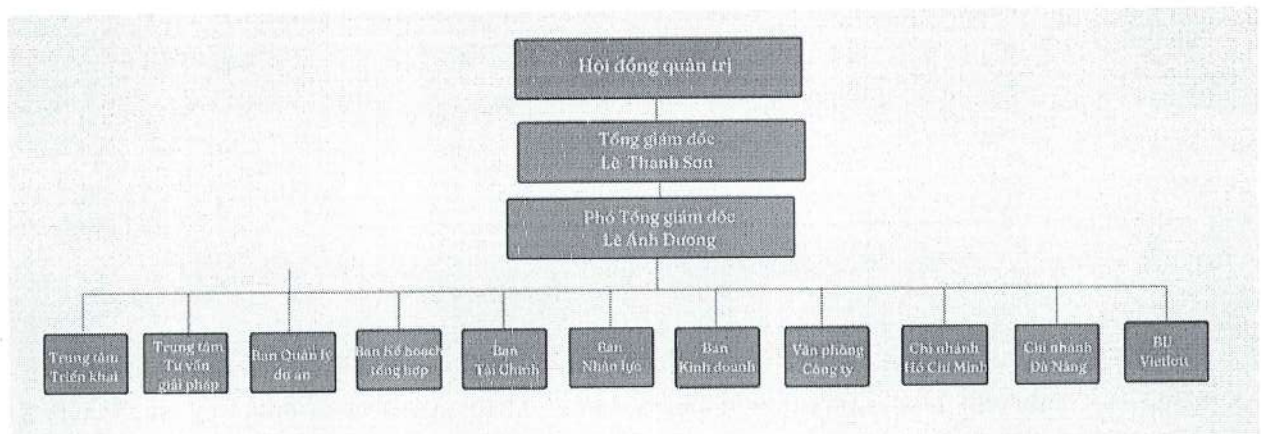
Công ty đã tiến hành họp ĐHĐCĐ thành lập ngày 20/11/2001 tại Khách sạn Daewoo - Hà Nội. Tại Đại hội này, Công ty đã bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 1, giai đoạn 2001-2006 và thông qua hàng loạt các văn bản pháp quy liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2008, Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng.

Ngày 29/01/2019, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 07/2019/GCNCP-VSD và cấp mã chứng khoán ICT cho Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện.

Ngày 15/01/2020, Công ty chính thức giao dịch trên sàn HOSE.

## **2. Cơ cấu tổ chức công ty**



*Nguồn: ICT*

### **a) Đại hội đồng cổ đông:**

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 12, 13 Điều lệ của ICT và quy định của pháp luật.

### **b) Hội đồng quản trị:**

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 27 Điều lệ của ICT và quy định của pháp luật.

### **c) Ban kiểm soát:**

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 39 Điều lệ của ICT và quy định của pháp luật.

pháp luật.

**d) Ban Tổng Giám đốc**

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của ICT gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**e) Các phòng, ban chức năng:**

- **Trung tâm Triển khai:** là đơn vị thực hiện công tác triển khai tất cả các loại dự án mà Công ty thực hiện trên phạm vi toàn quốc. Trung tâm chịu trách nhiệm từ việc lập kế hoạch, điều phối nguồn lực, đảm bảo chất lượng, đến việc cung cấp hỗ trợ sau triển khai cho khách hàng. Mục tiêu chính là đảm bảo các dự án được hoàn thành đúng tiến độ, trong ngân sách và đạt các tiêu chuẩn chất lượng cao nhất, đồng thời đáp ứng nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Đơn vị đóng vai trò là đơn vị chủ lực xây dựng và phát triển năng lực thực tế của nguồn nhân lực kỹ thuật đáp ứng mục tiêu chiến lược về kinh doanh và phát triển tổ chức của Công ty. Các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:
  - Tham gia thực hiện trong giai đoạn tư vấn: thực hiện khảo sát, thử nghiệm (POC);
  - Tham gia thực hiện trong giai đoạn đấu thầu: Hoàn thiện các yêu cầu của hồ sơ mời thầu liên quan đến triển khai (tiến độ, phương án triển khai, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật); tính toán chi phí triển khai; đánh giá rủi ro, các vấn đề tồn tại liên quan đến triển khai gói thầu và xây dựng đề xuất giải pháp phòng ngừa;
  - Tham gia đàm phán và ký kết hợp đồng: Trung tâm đánh giá rủi ro, các vấn đề của gói thầu về mặt kỹ thuật tại giai đoạn đấu thầu, đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro, các giải pháp giải quyết vấn đề;
  - Giai đoạn triển khai và bảo hành kỹ thuật: lập kế hoạch triển khai; điều phối và quản lý nguồn lực; giám sát và đảm bảo chất lượng kỹ thuật; quản lý & thực hiện bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật; giao tiếp và hỗ trợ khách hàng;
  - Đóng góp cho chiến lược Công ty: tư vấn chiến lược công nghệ;
  - Xây dựng và phát triển năng lực nhân sự kỹ thuật chiến lược của Công ty;
  - Quản trị hệ thống công nghệ thông tin, website công ty: lập kế hoạch đầu tư hạ tầng CNTT và các ứng dụng; quản lý hạ tầng CNTT; quản lý dịch vụ CNTT; quản lý dự án CNTT; quản lý chính sách quy trình; quản lý tài nguyên và đánh giá hiệu suất; quản lý vận hành website;
  - Các công tác quản lý, vận hành Trung tâm.
- **Trung tâm Tư vấn giải pháp:** là đơn vị thực hiện công tác presale đối với mảng tích hợp hệ thống trên phạm vi toàn quốc; chịu trách nhiệm thực hiện nghiệp vụ tư vấn giải pháp kỹ thuật, xây dựng hồ sơ kỹ thuật dự thầu đảm bảo rằng công ty có thể cung cấp các giải pháp công nghệ chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu và duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng. Ngoài ra Trung tâm còn đóng vai trò tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về định hướng công nghệ phù hợp với chiến lược của Công ty thông qua việc thực hiện các công việc nghiên cứu định hướng công nghệ và giải pháp một cách hệ thống và chiến lược để đảm bảo rằng công ty luôn duy trì sự cạnh tranh và cập nhật công nghệ tiên tiến trong việc đưa ra các giải pháp phù hợp với nhu cầu thị trường và khách hàng. Các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Giai đoạn tư vấn và đấu thầu: lập và thực hiện kế hoạch tư vấn chi tiết; hoàn thiện các yêu cầu câu hỏi sơ thầu;
  - Trong quá trình triển khai và bảo hành kỹ thuật: hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình triển khai và bảo hành kỹ thuật; đào tạo và chuyển giao công nghệ cho nhóm triển khai;
  - Tham mưu về công nghệ mới: nghiên cứu công nghệ mới; tư vấn chiến lược công nghệ;
  - Hoạch định và phát triển năng lực kỹ thuật theo chiến lược của Công ty: đánh giá năng lực hiện tại; lập kế hoạch phát triển nguồn lực kỹ thuật; quản lý và phát triển tài năng;
  - Đào tạo và phát triển kỹ năng đội ngũ kỹ thuật;
  - Công tác quản lý và vận hành Trung tâm.
- **Ban Quản lý dự án:** là đơn vị có nhiệm vụ quản lý và điều phối toàn bộ các hoạt động liên quan đến dự án toàn Công ty ngoại trừ các dự án mang tính chất đầu tư dài hạn; chịu trách nhiệm đảm bảo các dự án được thực hiện đúng tiến độ, trong phạm vi ngân sách và đạt yêu cầu về chất lượng. Các chức năng và nhiệm vụ chính như sau:
- Giai đoạn tiền dự án (đấu thầu, presale): lập kế hoạch và chuẩn bị tài liệu theo kế hoạch bán hàng và tư vấn sơ bộ, tổng hợp mục tiêu, phạm vi dự án, đánh giá rủi ro, cùng Trung tâm triển khai tính toán chi phí triển khai, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật;
  - Quản lý triển khai dự án: lập kế hoạch quản lý, triển khai dự án; quản lý nguồn lực (nhân sự, ngân sách, vật lực); quản lý rủi ro, theo dõi và điều phối tiến độ; kiểm soát rủi ro; đánh giá và báo cáo hiệu suất;
  - Các công tác quản lý vận hành Ban.
- **Ban Kế hoạch tổng hợp:** là đơn vị đóng vai trò tổng hợp, lập, theo dõi kế hoạch của Công ty; quản lý và đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư kinh doanh dài hạn của Công ty; thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ; hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để đảm bảo công tác điều hành, quản trị Công ty chủ động, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chức năng, nhiệm vụ chính như sau:
- Lập kế hoạch: Tổng hợp, lập và theo dõi các kế hoạch liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty;
  - Quản lý các dự án đầu tư kinh doanh: Quản lý, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư kinh doanh của Công ty;
  - Quản lý danh mục các chương trình dự án;
  - Thực hiện công tác liên quan đến lập và đánh giá BSC/KPI/OKR;
  - Kiểm toán nội bộ;
  - Hỗ trợ quản trị Công ty, giúp việc HĐQT;
  - Tổng hợp, hỗ trợ, tham mưu Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành Công ty;
  - Quản trị hệ thống ISO;
  - Quản lý chứng nhận hợp quy và công bố thiết bị nhập khẩu;
  - Các công tác quản lý vận hành Ban.
- **Ban Tài chính:** là đơn vị đóng vai trò then chốt trong việc quản lý và điều phối các hoạt động tài chính và kế toán của Công ty, đảm bảo sự ổn định tài chính và hỗ trợ cho sự phát triển bền vững của Công ty. Ban Tài chính Kế toán chịu trách nhiệm xây dựng, giám sát và điều chỉnh ngân sách, quản lý dòng tiền và chi phí, cũng như đảm bảo sự chính xác và minh bạch trong ghi chép kế toán. Ban cung cấp các báo cáo tài chính và phân tích cần thiết để hỗ trợ quyết

định quản lý và đảm bảo công ty tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn kế toán. Thông qua việc quản lý rủi ro tài chính và kiểm soát nội bộ, ban cũng góp phần quan trọng trong việc duy trì sự ổn định và hiệu quả hoạt động tài chính của công ty, đồng thời thúc đẩy dự phát triển lâu dài và bền vững của tổ chức. Các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Quản lý ngân sách: lập kế hoạch ngân sách; theo dõi và điều chỉnh ngân sách theo thực tế; đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách;
- Quản lý dòng tiền: lập kế hoạch dòng tiền; quản lý các khoản thu và chi; quản lý thanh khoản;
- Quản lý chi phí: ghi nhận giao dịch tài chính vào hệ thống kế toán; thực hiện các bút toán điều chỉnh và phân bổ chi phí; lập báo cáo tài chính định kỳ và theo yêu cầu; tính toán giá thành sản phẩm, dịch vụ;
- Quản lý chi phí dự án: theo dõi và phân tích chi phí của các dự án; xác định và phân tích các khoản chi phí không dự kiến;
- Quản lý doanh thu: theo dõi doanh thu từ các dự án và hợp đồng; đảm bảo thu hồi doanh thu đúng hạn và đầy đủ; phân tích xu hướng doanh thu;
- Quản lý hàng hóa và vật tư: quản lý hàng tồn kho; quản lý xuất nhập kho;
- Tìm kiếm nguồn tài chính dài hạn: đánh giá nhu cầu tài chính dài hạn; lựa chọn phương án huy động vốn; tối ưu hóa cơ cấu vốn; theo dõi và quản lý nguồn vốn dài hạn;
- Quản lý hoạt động đầu tư: phân tích và đánh giá cơ hội đầu tư; lập kế hoạch đầu tư; quản lý danh mục đầu tư; quản lý rủi ro đầu tư; theo dõi dòng tiền từ hoạt động đầu tư; đo lường và đánh giá hiệu quả đầu tư;
- Tuân thủ và kiểm toán: đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn kế toán; chuẩn bị tài liệu cho Công ty kiểm toán, các cơ quan quản lý Nhà nước, kiểm soát nội bộ trong các đợt kiểm toán, kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất;
- Quản lý nghĩa vụ thuế: đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ thuế; xử lý các vấn đề liên quan đến thuế; tư vấn và hỗ trợ về thuế;
- Quản lý rủi ro tài chính: xác định và đánh giá các yếu tố rủi ro tài chính; đề xuất và thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro; theo dõi và đánh giá hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa;
- Các công tác quản lý vận hành Ban.

➤ **Ban Nhân lực:** đóng vai trò trong việc xây dựng và duy trì nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của tổ chức. Các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Hoạch định và quản lý chiến lược: Xây dựng chiến lược nhân sự phù hợp với mục tiêu và chiến lược tổng thể của công ty; Quản lý kế hoạch nguồn nhân lực; Phát triển chính sách và chương trình nhân sự nhằm hỗ trợ chiến lược nhân sự; Quản lý hiệu suất và đánh giá nhân sự; Phân tích và báo cáo về các vấn đề liên quan đến nguồn nhân lực và chiến lược nhân sự.
- Tuyển dụng: Xây dựng và triển khai chiến lược tuyển dụng để thu hút ứng viên phù hợp với mục tiêu công ty; Quản lý quy trình tuyển dụng; Xây dựng thương hiệu tuyển dụng; Đánh giá và phân tích tuyển dụng; Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt với ứng viên trong quá trình tuyển dụng.
- Học tập và phát triển: Đánh giá nhu cầu đào tạo; Xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo; Triển khai và quản lý đào tạo; Đánh giá hiệu quả đào tạo; Phát triển chương trình phát triển nghề nghiệp; Quản lý và duy trì hồ sơ đào tạo.

- Quản trị tiền lương - thưởng - chế độ chính sách và bảo hiểm xã hội: Xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi; Quản lý hệ thống lương thưởng và phúc lợi; Đánh giá và điều chỉnh lương; Quản lý các chương trình phúc lợi; Quản lý ngân sách thưởng và đền bù; Quản lý công tác bảo hiểm xã hội; Đánh giá hiệu quả chương trình.
- Phát triển tổ chức: Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển tổ chức để hỗ trợ mục tiêu kinh doanh của công ty; Tổ chức và quản lý các dự án phát triển tổ chức; Tư vấn và hỗ trợ các phòng ban; Quản lý thay đổi và cải tiến tổ chức; Đánh giá và đo lường hiệu quả.
- Quan hệ lao động: Quản lý và thực thi quy định lao động; Xử lý các tranh chấp và khiếu nại liên quan đến quan hệ lao động; Tư vấn và đào tạo về quan hệ lao động; Quản lý các hợp đồng lao động.
- Quản lý hệ thống thông tin nhân sự: Quản lý và duy trì hệ thống HRIS; Quản lý dữ liệu nhân sự; Phát triển và tối ưu hóa hệ thống; Báo cáo và phân tích dữ liệu; Đảm bảo tuân thủ quy định và tiêu chuẩn.
- Phát triển văn hóa tổ chức: Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển văn hóa tổ chức phù hợp với mục tiêu và giá trị của công ty; Tổ chức và điều phối các hoạt động nhằm củng cố và phát triển văn hóa tổ chức; Xây dựng và triển khai các chiến lược giao tiếp để truyền đạt văn hóa tổ chức đến toàn bộ nhân viên; Đảm bảo môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ sự phát triển của nhân viên; Đánh giá và cải thiện văn hóa tổ chức.
- Truyền thông nội bộ: Phát triển và triển khai chiến lược truyền thông nội bộ phù hợp với mục tiêu và văn hóa công ty; Quản lý và duy trì các kênh truyền thông nội bộ của công ty; Tổ chức và điều phối các sự kiện nội bộ để tăng cường sự gắn kết và truyền đạt thông tin; Đánh giá và cải thiện hiệu quả của các hoạt động truyền thông nội bộ.
- Các công tác quản lý vận hành Ban: Xây dựng và thực thi kế hoạch; Quản lý nhân sự; Quản lý quy trình và đảm bảo chất lượng.

➤ **Ban Kinh doanh:** chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh, quản lý mối quan hệ khách hàng để đạt được mục tiêu doanh thu, đồng thời tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh thông qua việc tư vấn, đàm phán và thực hiện các hoạt động bán hàng trực tiếp và gián tiếp; chịu trách nhiệm nghiên cứu, tìm kiếm và mở rộng thị trường mới; phát triển mối quan hệ khách hàng và đối tác chiến lược; đồng thời đề xuất và triển khai các chiến lược dịch vụ mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng bền vững cho công ty. Ban Kinh doanh điều phối và thực hiện các hoạt động liên quan đến quá trình đấu thầu, từ khâu chuẩn bị hồ sơ, tham gia đấu thầu, đến việc đàm phán và ký kết hợp đồng, nhằm đảm bảo công ty giành được các dự án phù hợp và có lợi cao nhất; quản lý toàn diện các hợp đồng kinh doanh từ giai đoạn đàm phán, ký kết, triển khai đến khi hoàn tất và thanh lý hợp đồng, đảm bảo sự tuân thủ các điều khoản hợp đồng, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và giảm thiểu rủi ro. Đơn vị đóng vai trò tham mưu cho lãnh đạo công ty về chiến lược phát triển công ty trong ngắn, trung và dài hạn. Các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh: nghiên cứu và phân tích thị trường; xây dựng chiến lược kinh doanh;
- Quản lý và thực hiện kế hoạch kinh doanh: lập kế hoạch kinh doanh; triển khai kế hoạch kinh doanh; đánh giá và báo cáo kết quả bán hàng;
- Quản lý và thực hiện công tác đấu thầu: nghiên cứu thủ tục và các vấn đề pháp lý về đấu thầu; chuẩn bị hồ sơ và nộp hồ sơ thầu; quản lý rủi ro trong quá trình đấu thầu; đánh giá và rút kinh nghiệm từ các dự án đã tham gia đấu thầu;
- Quản lý hợp đồng: đàm phán và ký kết hợp đồng; triển khai và giám sát hợp đồng; quản lý rủi ro và giải quyết tranh chấp; thanh toán, thanh lý và đánh giá hợp đồng;

- Quản lý hoạt động mua sắm: lập kế hoạch và thực hiện công tác mua sắm hàng hóa dịch vụ; quản lý nhà cung cấp; quản lý vận chuyển và giao nhận; quản lý rủi ro và tuân thủ quy định;
  - Quản lý đối tác và marketing hướng ngoại: xây dựng và phát triển mối quan hệ đối tác; phát triển đối tác chiến lược; quản lý rủi ro trong quan hệ đối tác; xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động marketing;
  - Các công tác quản lý vận hành Ban.
- **Văn phòng Công ty:** chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động vận hành văn phòng diễn ra hiệu quả và trơn tru. Các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:
- Công tác hành chính văn phòng: quản lý tài sản và cơ sở vật chất; quan hệ với cơ quan tổ chức có liên quan; thư ký, văn thư, hậu cần; công tác an ninh, an toàn vệ sinh lao động, môi trường làm việc.
  - Các chức năng khác: công tác Đảng; công tác khác.
  - Các công tác quản lý vận hành đơn vị.
- **Chi nhánh Hồ Chí Minh:** chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tại Hồ Chí Minh diễn ra hiệu quả và trơn tru. Các chức năng, nhiệm vụ chính:
- Quản lý hoạt động vận hành Văn phòng Công ty tại Hồ Chí Minh: quản lý tài sản và cơ sở vật chất; quan hệ với cơ quan, tổ chức có liên quan; thư ký, văn thư, hậu cần; công tác vệ sinh, an toàn, an ninh và duy trì môi trường làm việc;
  - Quản lý nhân sự: tuyển dụng; đào tạo; hợp đồng lao động, bảo hiểm; công tác tiền lương; hoạt động văn hóa, truyền thông nội bộ; các hoạt động hỗ trợ khác
  - Kế toán: thực hiện hoạt động kế toán của Công ty; thực hiện hoạt động kế toán của chi nhánh;
  - Quản lý, vận hành tòa nhà: thực hiện công tác cho thuê văn phòng; quản lý cơ sở hạ tầng; quản lý an ninh, quản lý vệ sinh và dọn dẹp;...
  - Các công tác quản lý vận hành đơn vị.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động nội bộ của Công ty tại Đà Nẵng diễn ra hiệu quả và trơn tru. Chức năng, nhiệm vụ chính như sau:
- Quản lý hoạt động vận hành Văn phòng Công ty tại Đà Nẵng;
  - Kế toán: thực hiện hoạt động kế toán của Công ty;
  - Các công tác quản lý vận hành đơn vị.
- **BU Vietlott:** chịu trách nhiệm quản lý vận hành các hoạt động liên quan đến dự án Vietlott.
3. **Danh sách công ty mẹ, công ty con của ICT, những công ty mà ICT đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với ICT**
- Công ty mẹ: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – được trình bày tại Mục III bên trên.
  - Công ty con: Không có.
  - Những công ty mà ICT đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.
  - Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với ICT: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – được trình bày tại Mục III bên trên.
4. **Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/06/2025 (ngày chốt danh sách cổ đông chia cổ**

**tức gần nhất)**

| TT | Cổ đông             | SLCĐ         | SLCP              | Giá trị                | Tỷ lệ (%)     |
|----|---------------------|--------------|-------------------|------------------------|---------------|
|    |                     |              |                   | (đồng)                 |               |
| 1  | <b>Trong nước</b>   | <b>1.673</b> | <b>32.093.740</b> | <b>320.937.400.000</b> | <b>99,72%</b> |
|    | - Cá nhân           | 1.663        | 21.573.687        | 215.736.870.000        | 67,03%        |
|    | - Tổ chức           | 10           | 10.520.053        | 105.200.530.000        | 32,69%        |
| 2  | <b>Nước ngoài</b>   | <b>36</b>    | <b>91.260</b>     | <b>912.600.000</b>     | <b>0,28%</b>  |
|    | - Cá nhân           | 30           | 74.350            | 743.500.000            | 0,23%         |
|    | - Tổ chức           | 6            | 16.910            | 169.100.000            | 0,05%         |
| 3  | <b>Cổ phiếu quỹ</b> | -            | -                 | -                      | -             |
|    | <b>Tổng cộng</b>    | <b>1.709</b> | <b>32.185.000</b> | <b>321.850.000.000</b> | <b>100%</b>   |

Nguồn: ICT

**Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại ngày 06/06/2025 (ngày chốt danh sách cổ đông chia cổ tức gần nhất):**

| STT | Cổ đông                                | Địa chỉ                                              | SLCP              | Tỷ lệ (%)     |
|-----|----------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------|---------------|
| 1   | Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam | Số 57 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng, TP Hà Nội | 10.117.108        | 31,43%        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                       |                                                      | <b>10.117.108</b> | <b>31,43%</b> |

Nguồn: ICT

## 5. Sản phẩm, dịch vụ cung cấp chính

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học. Trong đó các lĩnh vực mà Công ty hoạt động chủ yếu cụ thể như sau:

- ✦ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông và CNTT:
  - Hàng hoá thiết bị viễn thông: thiết bị truyền dẫn quang, viba, thiết bị đầu cuối, tổng đài 2G, 3G, 4G, các loại cáp, anten, thiết bị nguồn,...
  - Hàng hoá thiết bị CNTT: thiết bị mạng, thiết bị Data Center, Contact Center, phần mềm ứng dụng, phần mềm hệ điều hành,...
- ✦ Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ triển khai các dự án viễn thông và CNTT;
- ✦ Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học, cho thuê văn phòng: cho thuê nhà trạm mạng di động, thiết bị truy nhập quang, viba, router, cơ sở hạ tầng phủ sóng trong các toà nhà cao tầng,
- ✦ Dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng di động: Dịch vụ lời nhắn thoại; Xổ số điện toán; Dịch vụ Tài chính tiêu dùng cá nhân.

Cơ cấu doanh thu theo thị trường: Năm 2023 doanh thu từ VNPT và ngoài VNPT chiếm tỷ trọng lần lượt là 30,66% và 69,34% tổng giá trị doanh thu của Công ty. Năm 2024, tỷ lệ này lần lượt là

55,70% và 44,3%. Trong đó, doanh thu với VNPT chủ yếu đến từ việc bán thiết bị viễn thông – công nghệ thông tin. Ngoài ra, trong năm 2023 doanh thu đến từ việc bán hàng cho Tập Đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội (Viettel) khá lớn, đạt khoảng 467 tỷ đồng.

**6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

Đơn vị: triệu VND

| TT | Chỉ tiêu                   | Năm 2023  | Năm 2024  | %<br>tăng/giảm | 6T/2025   |
|----|----------------------------|-----------|-----------|----------------|-----------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản       | 1.441.231 | 1.475.380 | 2,37%          | 1.454.849 |
| 2  | Doanh thu thuần            | 1.495.874 | 1.572.511 | 5,12%          | 475.229   |
| 3  | Lợi nhuận thuần từ HĐKD    | 9.998     | 24.537    | 145,42%        | 12.154    |
| 4  | Lợi nhuận khác             | 10.036    | 12.646    | 26,01%         | 8.642     |
| 5  | Lợi nhuận trước thuế       | 20.034    | 37.183    | 85,60%         | 20.796    |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế         | 14.924    | 31.104    | 108,42%        | 17.860    |
| 7  | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 107,83%   | 103,47%   | -4,36%         | N/A       |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC soát xét 6T/2025 của ICT

Tổng tài sản của Công ty năm 2024 đạt 1.475 tỷ đồng, tăng 34 tỷ đồng so với năm 2023, tương ứng tăng 2,37%. Tại thời điểm 30/6/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 1.454 tỷ đồng, giảm 1,39% so với cuối năm 2024. Tuy nhiên hàng tồn kho của Công ty tại ngày 30/06/2025 tăng cao, trong đó chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tăng do nhiều dự án của Công ty đang triển khai chưa nghiệm thu bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu thuần của Công ty năm 2024 đạt 1.573 tỷ đồng, tăng 77 tỷ đồng so với năm 2023, tương ứng tăng 5,12%. Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2025 đạt 475 tỷ đồng, giảm 39,8% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu chuyển tiếp từ năm 2024 sang năm 2025 không bằng doanh thu chuyển tiếp từ năm 2023 sang năm 2024.

Hàng năm Công ty thường phát sinh thu nhập khác từ tiền thưởng doanh thu bán thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin và hỗ trợ Marketing từ đối tác, giá trị phụ thuộc vào doanh thu bán hàng của các đối tác này thực hiện trong năm. Trong năm 2024, Công ty phát sinh khoản thu nhập khác từ việc xử lý khoản nợ phải trả không xác định được đối tượng. Đây là khoản nợ phải trả cho một đối tác cung cấp hàng hóa ở nước ngoài. Từ cuối năm 2023, Công ty không liên hệ được với đối tác.

Chi phí khác phát sinh trong năm 2023, 2024 của Công ty chủ yếu là các khoản phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ giao hàng từ nhiều nguyên nhân. Trong năm 2024, Công ty có khoản lỗ hợp đồng cung cấp Simcard cho Vinaphone cùng đối tác Liên danh (8,3 tỷ đồng). Hợp đồng ký với khách hàng là hợp đồng khung, thực hiện theo từng đơn hàng, Công ty nhập hàng nhiều lần theo từng đơn đặt hàng. Hàng hóa chậm tiến độ do chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu bị đứt gãy, Liên danh bị phạt và bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư. Trong giai đoạn này, đơn giá nhập khẩu hàng hóa tăng do kham hiếm chip (tác động từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung), cùng sự biến động tỷ giá ngoại tệ tăng, dẫn đến giá vốn hàng nhập khẩu tăng, kết quả kinh doanh dự án bị lỗ. Khi quyết toán cùng liên danh phần kết quả lỗ chia cho Công ty được hạch toán vào chi phí khác. Đến năm 2025 chi phí khác đã có xu hướng giảm do chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu đã đi vào ổn định từ giữa năm 2024 sau thời gian ảnh hưởng của dịch Covid và chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024 đạt 31 tỷ đồng, tăng 16 tỷ đồng so với năm 2023, tương ứng tăng 108,42%. Nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận của Công ty tăng đột biến do Lợi nhuận

thuần từ hoạt động kinh doanh tăng so với cùng kỳ, từ 10 tỷ đồng trong năm 2023 lên thành 24,6 tỷ đồng trong năm 2024 (tăng 14,6 tỷ đồng) do doanh thu thuần tăng, lãi chênh lệch tỷ giá tăng, chi phí lãi vay giảm. Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế tăng 85,60% nhưng thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ tăng 18,95% do chuyển một phần lãi vay bị loại trừ năm 2023 vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020.

## 7. Tình hình công nợ

### Công nợ phải thu

Đơn vị: triệu VND

| TT        | Chỉ tiêu                           | 31/12/2023       | 31/12/2024     | 30/06/2025     |
|-----------|------------------------------------|------------------|----------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Phải thu ngắn hạn</b>           | <b>1.032.046</b> | <b>736.449</b> | <b>304.679</b> |
| 1         | Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 969.015          | 569.305        | 254.393        |
| 2         | Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 22.297           | 122.528        | 20.204         |
| 3         | Phải thu ngắn hạn khác             | 42.768           | 46.650         | 33.098         |
| 4         | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -2.034           | -2.034         | -3.016         |
| <b>II</b> | <b>Phải thu dài hạn</b>            | <b>1.371</b>     | <b>1.554</b>   | <b>1.554</b>   |
| 1         | Phải thu dài hạn khác              | 1.371            | 1.554          | 1.554          |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC soát xét 6T/2025 của ICT

Các khoản phải thu khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty do các dự án lớn của Công ty có thời gian thực hiện kéo dài, đa phần dự án được ghi nhận doanh thu vào giai đoạn cuối năm; Các dự án bán hàng thường thanh toán theo từng giai đoạn: tạm ứng (10%), sau bàn giao hàng hóa (30%), sau nghiệm thu lắp đặt (30-40%), sau nghiệm thu cuối cùng (30%).

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2024 tăng nhiều so với tại thời điểm 31/12/2023 do phát sinh khoản ứng trước cho đối tác cung cấp hàng hóa là 120 tỷ đồng. Đây là khoản ứng trước một phần giá trị của hợp đồng để mua hàng hóa thực hiện dự án kinh doanh của Công ty (Công ty không thực hiện việc mở L/C trong thanh toán quốc tế), đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành các hợp đồng có liên quan.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác của Công ty chủ yếu là các khoản phải thu về hoạt động đối soát thanh toán Vietlott (số tiền nộp mua hạn mức cho Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam và phải thu các công ty ví điện tử về hoạt động bán vé Vietlott) và khoản phải thu Công ty TNHH Trí tuệ số Việt VDC về chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện.

### Công nợ phải trả

Đơn vị: triệu VND

| TT       | Chỉ tiêu                            | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 30/06/2025     |
|----------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>I</b> | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>795.161</b> | <b>813.703</b> | <b>809.799</b> |
| 1        | Phải trả người bán ngắn hạn         | 421.839        | 402.157        | 269.967        |
| 2        | Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 2.085          | 30.354         | 69.373         |
| 3        | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16.850         | 13.412         | 7.388          |

| TT        | Chỉ tiêu                          | 31/12/2023     | 31/12/2024     | 30/06/2025     |
|-----------|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| 4         | Phải trả người lao động           | 15.647         | 21.084         | 6.927          |
| 5         | Chi phí phải trả ngắn hạn         | 8.983          | 39.489         | 53.298         |
| 6         | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 7.710          | 7.851          | 4.660          |
| 7         | Phải trả ngắn hạn khác            | 34.471         | 42.513         | 67.928         |
| 8         | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 276.041        | 252.585        | 325.809        |
| 9         | Dự phòng phải trả ngắn hạn        | 2.463          | 1.009          | 1.009          |
| 10        | Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | 9.072          | 3.249          | 3.440          |
| <b>II</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                 | <b>2.991</b>   | <b>5.457</b>   | <b>7.053</b>   |
| 1         | Phải trả dài hạn khác             | 371            | 286            | 1.423          |
| 2         | Dự phòng phải trả dài hạn         | 2.620          | 5.171          | 5.630          |
|           | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>798.152</b> | <b>819.160</b> | <b>816.852</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC soát xét 6T/2025 của ICT

#### 8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                                            | ĐVT | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---------------------------------------------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                              |     |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)                     | Lần | 1,52     | 1,53     |
| Hệ số thanh toán nhanh<br>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn         | Lần | 1,44     | 1,44     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                       |     |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                               | %   | 55,38    | 55,52    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                             | %   | 124,11   | 124,83   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                               |     |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Lần | 11,59    | 21,76    |
| Vòng quay tổng tài sản<br>(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)  | Lần | 1,03     | 1,08     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                |     |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần                          | %   | 1,00     | 1,98     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)           | %   | 2,29     | 4,79     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)             | %   | 1,03     | 2,13     |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần                           | %   | 0,67     | 1,56     |

| Chỉ tiêu                                                         | ĐVT     | Năm 2023 | Năm 2024 |
|------------------------------------------------------------------|---------|----------|----------|
| Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần                              | %       | 4,64     | 9,66     |
| Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS) (đồng/CP) (Mệnh giá: 10.000đ/CP) | đồng/cp | 419,55   | 966,42   |
| Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần                          | %       | 5        | 10       |

Nguồn: Tính toán theo BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 của ICT

## 9. Tình hình tài sản cố định

### ❖ Tài sản cố định của ICT tại thời điểm 30/06/2025

Đơn vị: triệu VND

| STT        | Khoản mục                       | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (%)   |
|------------|---------------------------------|-----------------|------------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>192.520</b>  | <b>42.552</b>          | <b>22,10%</b> |
| 1          | Nhà cửa, vật kiến trúc          | 27.067          | 10.805                 | 39,92%        |
| 2          | Máy móc, thiết bị               | 60.663          | 22.191                 | 36,58%        |
| 3          | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 17.446          | 6.049                  | 34,67%        |
| 4          | Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 20.767          | 1.732                  | 8,34%         |
| 5          | Tài sản cố định khác            | 66.159          | 1.775                  | 2,68%         |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản cố định vô hình</b>  | <b>87.624</b>   | <b>80.235</b>          | <b>91,57%</b> |
| 1          | Quyền sử dụng đất               | 74.065          | 74.065                 | 100%          |
| 2          | Chương trình phần mềm           | 13.559          | 6.171                  | 45,51%        |
| <b>III</b> | <b>Bất động sản đầu tư</b>      | <b>18.715</b>   | <b>8.864</b>           | <b>47,36%</b> |
| 1          | Nhà cửa, vật kiến trúc          | 18.715          | 8.864                  | 47,36%        |

Nguồn: BCTC soát xét Quý 2/2025 của ICT

### ❖ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: triệu VND

| TT       | Chỉ tiêu                          | 31/12/2023    | 31/12/2024   | 30/06/2025 |
|----------|-----------------------------------|---------------|--------------|------------|
| <b>I</b> | <b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>    | <b>10.825</b> | <b>8.415</b> | <b>326</b> |
| 1        | Dự án MobileID cho Vinaphone      | 8.315         | 8.315        | -          |
| 2        | Đầu tư hệ thống CDN-VNPT với VNNS | 1.925         | -            | -          |
| 3        | Dự án xây dựng lắp đặt khác       | 585           | 99           | 326        |
|          | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>10.825</b> | <b>8.415</b> | <b>326</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC soát xét 6T/2025 của ICT

### ❖ Tình hình sử dụng đất đai của ICT

| STT              | Địa điểm (*)                                                                              | Diện tích (m2) | Hình thức/ Mục đích sử dụng                                                                                                | Thời hạn sử dụng             | Hồ sơ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                        | 3.094          | Thuê đất trả tiền hàng năm<br>Đang được sử dụng làm trụ sở Công ty, phần văn phòng không sử dụng hết được Công ty cho thuê | Từ 11/07/2001 đến 10/07/2043 | Hợp đồng thuê đất số 113-2006/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 12/09/2006 giữa Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất Hà Nội và CTCP Viễn thông Tin học Bưu điện.<br>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 495750 ngày 21/02/2011<br>Thông báo tiền thuê đất năm 2024 ngày 23/04/2024 của Cục thuế quận Hai Bà Trưng |
| 2                | 435 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh                                | 549,5          | Đất ở tại đô thị<br>Được sử dụng là văn phòng chi nhánh miền Nam; phần văn phòng không sử dụng hết được Công ty cho thuê   | Lâu dài                      | Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3342/2002 ngày 05/02/2002.<br>Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 206/TTĐK ngày 25/03/2003.<br>Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 201/TTĐK ngày 25/03/2003.                           |
| 3                | Lô C1-49 Khu dân cư số 01 Nguyễn Tri Phương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, Đà Nẵng | 491,3          | Đất ở tại đô thị<br>Dự kiến sử dụng để xây dựng trụ sở chi nhánh Đà Nẵng                                                   | Lâu dài                      | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09204 ngày 12/02/2002                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                           | <b>4.134,8</b> |                                                                                                                            |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

Nguồn ICT, Báo cáo thẩm định giá số 150725.002/BCTĐ.KT17 ngày 15/07/2025

(\*) Địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính.

## 10. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025

### 10.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

| Chỉ tiêu                       | Đơn vị  | Năm 2024  | KH Năm 2025 |                         |
|--------------------------------|---------|-----------|-------------|-------------------------|
|                                |         |           | Giá trị     | % tăng giảm so với 2024 |
| Tổng doanh thu                 | tr.đồng | 1.625.566 | 1.780.045   | 9,50%                   |
| Doanh thu thuần (1)            | tr.đồng | 1.572.511 | N/A         | N/A                     |
| Lợi nhuận sau thuế             | tr.đồng | 31.104    | 34.273      | 10,19%                  |
| Vốn chủ sở hữu (2)             | tr.đồng | 656.220   | N/A         | N/A                     |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (3) | %       | 1,98      | N/A         | N/A                     |
| Tỷ lệ LNST/Tổng doanh thu      | %       | 1,91      | 1,93        | 0,02%                   |

| Chỉ tiêu                     | Đơn vị | Năm 2024 | KH Năm 2025 |                         |
|------------------------------|--------|----------|-------------|-------------------------|
|                              |        |          | Giá trị     | % tăng giảm so với 2024 |
| Tỷ lệ LNST/VCSH (4)          | %      | 4,74     | N/A         | N/A                     |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức (% VDL) | %      | 10%      | 10%         | -                       |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2025, ICT đã ghi nhận 494 tỷ đồng tổng doanh thu và 18 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 27,75% và 52,94% kế hoạch năm 2025.

Tại thời điểm lập Bản công bố thông tin này, cấp có thẩm quyền của ICT chưa phê duyệt và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.

**Ghi chú:**

- (1) và (2) Không có chỉ tiêu Kế hoạch tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- (3) và (4) Không tính được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 do không có thông tin như đã nêu tại mục (1) và (2).

**10.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Trong năm 2025, để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra, ICT sẽ tiến hành xây dựng, thực thi các chương trình, kế hoạch theo định hướng:

- Triển khai đa dạng hóa các giải pháp và sản phẩm Công nghệ cao. Tham gia sâu rộng vào các chương trình mua sắm đầu tư công của Chính phủ và các doanh nghiệp lớn;
- Nâng cao năng lực tư vấn về công nghệ, giúp khách hàng đa dạng hoá trong việc lựa chọn các giải pháp đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng hiệu quả công việc;
- Chấp nhận rủi ro, đầu tư vào hợp tác nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới, gia tăng hàm lượng giá trị do Công ty tạo ra trong sản phẩm, giải pháp;
- Tối ưu vốn chủ sở hữu, phát triển các nguồn vốn vay an toàn, hiệu quả;
- Triển khai công tác xây dựng và quản trị chiến lược. Tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị và phòng ngừa rủi ro trong các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

**11. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Không có.

**12. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn**

Không có

**V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

**1. Loại cổ phần**

Cổ phần phổ thông

**2. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phần

**3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng**

10.117.108 cổ phần (chiếm tỷ lệ 31,43% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)

**4. Giá khởi điểm đấu giá**

74.106 đồng/cổ phần

**5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm**

Mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần của VNPT sở hữu tại Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện được tính dựa trên các căn cứ sau:

- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

- Báo cáo tư vấn giá khởi điểm chào bán cổ phần số 150725.003/BCTV.KT7 ngày 15/07/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ban hành;

- Chứng thư thẩm định giá số 014/2025/1507.001.KT7 ngày 15/07/2025 và Báo cáo thẩm định giá số 150725.002/BCTĐ.KT7 ngày 15/7/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ban hành;

- Giá tham chiếu bình quân cổ phiếu ICT 30 phiên liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn;

- Giá tham chiếu cổ phiếu ICT trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, Hội đồng thành viên VNPT đã ban hành Quyết định số 151/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 16/09/2025 về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện, theo đó giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện là **74.106 đồng/cổ phần**.

**6. Phương thức chuyển nhượng vốn**

Bán đấu giá công khai thông thường

**7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá**

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, TP Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 3941 2626 Fax: (84-24) 3934 7818
- Website: www.hnx.vn

**8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn**

Dự kiến Quý IV/2025

**9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến**

Được quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

**10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Căn cứ Văn bản số 2751/UBCK-PTTT ngày 23/06/2025 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước gửi ICT về Hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ICT là 0%.

Do đó, nhà đầu tư nước ngoài không được phép đăng ký mua cổ phần ICT do VNPT chào bán.

**11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn**

Không có.

**12. Các loại thuế có liên quan:**

• Đối với VNPT:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, VNPT đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

• Đối với nhà đầu tư cá nhân tham gia mua cổ phiếu chào bán của VNPT sau đó chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định hiện hành.

**13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:**

• Hồ sơ bán đấu giá:

- Quyết định số 151/QĐ-VNPT-HĐTV-KTTC ngày 16/09/2025 của Hội đồng thành viên VNPT về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện;
- Bản Công bố thông tin về việc chuyển nhượng vốn theo mẫu quy định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020;
- Tài liệu chứng minh VNPT có số cổ phần bán đấu giá là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần đăng ký bán;
- Quy chế bán đấu giá cổ phần;
- Các tài liệu khác có liên quan.

• Phương tiện, địa điểm công bố thông tin:

- Bộ hồ sơ bán đấu giá được công khai cho nhà đầu tư trước ngày tổ chức phiên bán đấu giá tối thiểu 20 (hai mươi) ngày tại:
  - ✓ 03 (Ba) số báo liên tiếp của một tờ báo phát hành trong toàn quốc và một tờ báo địa phương nơi Chủ sở hữu và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện có trụ sở chính.
  - ✓ Website của VNPT, SHS, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, ICT.

**VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là cổ đông nắm giữ 10.117.108 cổ phần, tương ứng với 31,43% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện.

Việc chuyển nhượng vốn của VNPT đầu tư tại ICT nhằm thực hiện Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 10/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 và Văn bản số 1944/UBQLV-CNHT ngày 28/8/2024 của Ủy Ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thoái vốn tại 24 doanh nghiệp thuộc danh mục thoái vốn đã được phê duyệt theo Quyết định số 620/QĐ-TTg.

**VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

**1. Tổ chức tư vấn**



Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)**

Trụ sở chính: Số 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Điện thoại: (84.24) 3818 1888

Fax: (84.24) 3818 1688

**2. Tổ chức thẩm định giá**

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3824 1990

Website: [www.aasc.com.vn](http://www.aasc.com.vn)

**3. Tổ chức kiểm toán**

**Công ty TNHH Kiểm toán VACO**

Trụ sở chính: Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, Số 63 đường Lê Văn Lương, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 35770781

Website: [www.vaco.com.vn](http://www.vaco.com.vn)

**Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam**

Trụ sở chính: Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 2220 0237

Website: [www.vacpa.org.vn](http://www.vacpa.org.vn)

**4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần**

**Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, TP Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39412626

Fax: (84.24) 39347818

Website: [www.hnx.vn](http://www.hnx.vn)

**VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Các thông tin liên quan đến ICT được cung cấp bởi những cá nhân có đầy đủ thẩm quyền của Công ty.

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của ICT trước khi đăng ký mua cổ phần. Bản công bố thông tin này không đảm bảo rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về ICT và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần ICT.

Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá công khai cần phải tìm hiểu thông tin về ICT và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. VNPT, ICT, SHS và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG, TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN CỦA VNPT VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU CỔ PHẦN CHUYỂN NHƯỢNG

TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



TÔ DŨNG THÁI

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN CỦA VNPT

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH SƠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CHÍ THÀNH